TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B-TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B– TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Bà Hà Thị Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bxét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 428/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1993 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số B, ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1979 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số B, ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2024, biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy K trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn V được mai mối rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/7/2011. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xãy ra mâu thuẫn, cự cải, anh V thường xuyên đánh đập chị và con chung. Chị và anh V sống chung hạnh phúc được một tháng sau khi cưới, từ thời gian đó đến nay thì vợ chồng luôn trong tâm trạng căng thẳng, không hòa thuận, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau để hôn nhân được hạnh phúc. Anh V đánh chị và con chung chị có báo với tổ hòa giải ấp Mỹ Quí giải quyết thì anh V hứa sửa đổi tính tình. Vì thương con nên chị đã tha thứ và chung sống với anh V nhưng anh V không thay đổi tính tình, anh V không chăm lo cho gia đình, vẫn đánh đập chị, không tin tưởng chị về vấn đề kinh tế, anh V cũng thường xuyên uống rượu rồi dùng lời lẻ không hay xúc phạm gia đình chị. Anh V hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị đã về nhà cha mẹ ruột sống cách đây hơn 02 năm trước thời gian khi anh V chấp hành án phạt tù. Khi chị dẫn con chung về nhà cha mẹ ruột ở (ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre) thì anh V cũng không có đến để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh V và chị không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Chị xác định không còn tình cảm với anh V và kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Việt Kiều N, sinh ngày 07/4/2013, con chung đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Việt Kiều N, sinh ngày 07/4/2013 và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2024; đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh và chị K được mai mối rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào năm 2011. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có xãy ra mâu thuẫn, cự cải nhau nguyên nhân từ vấn đề kinh tế, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, có lần trong lúc cự cải không kiềm chế được nên anh có đánh chị K một bạt tay, chị K đã dẫn con chung về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Anh và chị K sống ly thân nhau

khoảng một năm trước khi anh chấp hành án tại trại giam. Trong thời gian một năm này thì anh có đến năn nỉ, hàn gắng tình cảm vợ chồng nhưng chị K không đồng ý. Trong thời gian anh chấp hành án tại trại giam thì chị K cũng không có đến thăm anh. Tuy nhiên, vì anh còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Chị K và anh sống chung có một con chung tên Nguyễn Việt Kiều N, sinh ngày 07/4/2013 hiện đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao con chung cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K đối với anh Nguyễn Văn V. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt Kiều N, sinh ngày 07/4/2013 cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Nguyễn Văn V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị K, anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Nguyễn Văn V được mai mối rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

B, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/7/2011. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V là hợp pháp. Chị K yêu cầu ly hôn với anh V và cho rằng nguyên nhân không hạnh phúc là do anh V thường xuyên đánh đập chị và con chung, sống chung hạnh phúc được một tháng sau khi cưới, từ thời gian đó đến nay thì vợ chồng luôn trong tâm trạng căng thẳng, không hòa thuận, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau để hôn nhân được hạnh phúc không tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế, anh V cũng thường xuyên uống rượu rồi dùng lời lẻ không hay xúc phạm gia đình chị K, chị K cho anh V cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh V không thay đổi nên chị K kiên quyết ly hôn với anh V. Còn anh V cũng thừa nhận là trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có xãy ra mâu thuẫn, trong thời gian sống ly thân thì hai bên có hàn gắng tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, trong thời gian anh chấp hành án tại Trại giam C thì chị K cũng không đến thăm anh. Tuy nhiên, do anh V còn thương vợ, thương con nên anh V không đồng ý ly hôn với chị K.

Sau khi kết hôn, chị K và anh V đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai bên không còn hòa thuận, quan tâm chăm sóc yêu thương nhau, chị K và anh V có thời gian sống ly thân nhau khoảng một năm trước khi anh V chấp hành án phạt tù tại Trại giam C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian sống ly thân, chị K và anh V không giải quyết được mâu thuẫn hàn gắng tình cảm vợ chồng để chung sống hạnh phúc. Qua đó, xét thấy hôn nhân giữa chị K và anh V đã xãy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh V là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Việt Kiều N, sinh ngày 07/4/2013. Con chung đang do chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị K cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; anh V cũng đồng ý giao con chung cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng; đồng thời cháu N có nguyện vọng sống chung với chị K. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của chị K là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị K nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Thúy K có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy K đối với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Việt Kiều N, sinh ngày 07/4/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị K không yêu cầu anh Nguyễn Văn V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Thúy K có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004747 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí vụ kiện chị K đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Long